1. **Look and circle the correct word. (Nhìn tranh và khoanh tròn vào từ đúng)**

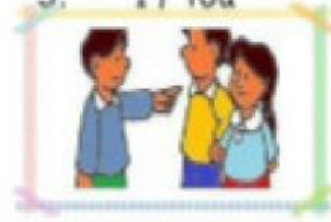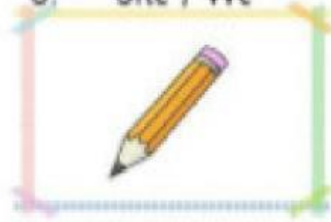|		
1. We / He	2. It / They	3. He / She
4. We / She	5. I / You	6. She / We

7. They / He   8. We / You   9. It / They

2. **Look. Choose and write. Nhìn, chọn và viết từ tương ứng the tranh.**

I	He	She	You	It

1. _____ is a duck.

2. _____ am a student.

3. _____ is a farmer.

4. _____ is a bag.

5. _____ is a singer.

6. _____ are students.

7. _____ is a house.

8. _____ is a teacher.

3. Look and circle the correct word. Nhìn và khoanh tròn vào từ đúng.

	(He) / It / She		It / You / They		We / You / She		It / He / We
	You / He / She		He / You / She		We / They / She		You / It / He
	It / He / She		We / He / It		It / We / She		They / He / We
	It / They / You		They / He / She		We / He / She		It / He / We

4. Look and circle. Nhìn và khoanh vào đại từ tương ứng

1. It / He / She _____ is a car.

2. It / You / She _____ is a singer.

3. We / He / She _____ are friends.

3. He / It / She _____ is a postman.

4. It / They / She _____ are birds.

6. I / It / He _____ am a pupil.

7. It / You / She _____ is an orange.

8. We / It / She _____ are a pupil.

9. It / They / I _____ are pencils.

5. **Look and write .Nhìn và viết đại từ tương ứng.**

1.

_____is a singer.

2.

_____is a book.

3.

_____is a teacher.
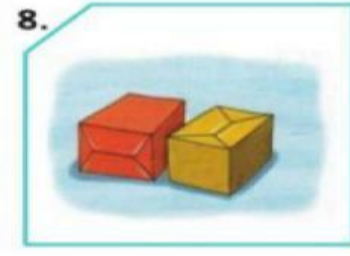
4.

_____are my friend.

5.

_____is a vet.

6.

_____am a driver.

7.

_____is a hospital.

8.
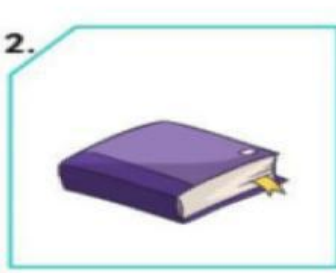
_____are boxes.

8. **Write he, she, it, we, you, they. Viết các đại từ tương ứng**

1. Sophia => _____

2. Dogs => _____

3. I and Lisa => _____

4. Mother => _____

5. Mark and I => _____

6. Lily and Tom => _____

7. Mother and father => _____

8. Car => _____

9. Book => _____

10. Father => _____

10. **Read and write pronoun. (Đọc và viết đại từ nhân xưng tương đương)**

1. Mary and I   _____

2. mother   _____

3. Peter   _____

4. dogs   _____

5. book   _____

6. You and Mai   _____

7. Quan and Lan   _____

8. John   _____

9. Min and I   _____

10. car   _____

11. pencils   _____

12. Linda   _____